TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG XII NĂM 1996

Tình hình ít nắng và nền nhiệt độ xấp xỉ và thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN) xảy ra ở hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước. Lượng mưa tháng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thấp hơn TBNN, các nơi khác xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh

Trong tháng có một đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến thời tiết Bắc Bộ và Trung Bộ vào ngày 18. Nhiệt độ sau 24h giảm từ 4-6°C; gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3, cấp 4, ngoài khơi cấp 6, cấp 7. Trời rét. Ở khu vực từ Thừa Thiên - Huế đến Khánh Hòa đã có mưa to đến rất to.

Sau đợt không khí lạnh mạnh ảnh hưởng đến thời tiết nước ta vào ngày 30 tháng XI còn có không khí lạnh tăng cường vào ngày 5 và 9 gây thời tiết rét kéo dài vào nửa đầu tháng.

b) *ATNĐ (áp thấp nhiệt đới)*: Trưa ngày 24, ATNĐ đã được hình thành ở phía nam Biển Đông. Hồi 13h, vị trí trung tâm ATNĐ ở vào khoảng 7,0 độ vĩ bắc - 112 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm mạnh cấp 6, cấp 7.

ATNĐ di chuyển ổn định theo hướng giữa đông và đông đông nam. Ngày 26, ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp (hình 1).

Do ảnh hưởng của ATNĐ trong hai ngày 24, 25, trên vùng biển phía nam quần đảo Trường Sa đã có gió xoáy cấp 6, cấp 7. Biển động mạnh.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ và thấp hơn TBNN (trung bình nhiều năm) (hình 2).

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Sa Pa (Lào Cai) : 3,1°C xảy ra ngày 7.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là T.P. Hồ Chí Minh : 32,8°C xảy ra ngày 1.

3. Tình hình mưa

Khu vực từ Bình Định đến Khánh Hòa có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Trà My (Quảng Nam-Đà Nẵng): 576mm (+210mm).

Một số nơi thuộc Bắc Bộ như Hà Đông (Hà Tây), Hưng Yên (Hải Hưng).... có lượng mưa cả tháng dưới 1mm.

Nơi có lượng mưa ngày cao nhất là Nam Đông : 130mm /ngày 1.

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có số giờ nắng thấp hơn TBNN.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Lào Cai : 31 giờ (-80giờ).

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Kon Tum: 200 giờ (-38 giờ) .

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh Miền Bắc, nửa đầu tháng có rét nhưng nửa cuối tháng đã ấm lên rõ rệt. Nếu sang tháng I-1997 thời tiết còn tiếp tục ấm kéo dài thì mạ và lúa đã cấy sẽ bị già ống gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

Ở các tỉnh Miền Nam, thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Các sông ở Bắc Bộ những ngày đầu tháng có lũ nhỏ, sau đó ở xu thế xuống thấp và thấp hơn mức TBNN cùng thời kỳ .

- *Trên sông Thao tại trạm Yên Bái,* mực nước cao nhất trong tháng: 27,18m (19h ngày 7).

- *Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang*, mực nước cao nhất trong tháng: 17,00m (7h ngày 3).

- *Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình*

+ Lưu lượng đến hồ : Lưu lượng lớn nhất trong tháng : 1000m^3/s (ngày 1), lưu lượng nhỏ nhất trong tháng : 600m^3/s (ngày 31), lưu lượng trung bình tháng 797m^3/s, tương đương mức TBNN cùng thời kỳ.

+ Mực nước hồ ngày đầu tháng : 116,62m (7h ngày 1), ngày cuối tháng: 116,68m (7h ngày 31) .

+ Lưu lượng xả lớn nhất đo tại trạm Bến Ngọc : 1030m^3/s (19h ngày 11)

- *Trên sông Hồng tại trạm Hà Nội,* mực nước cao nhất tháng : 3,81m (19 ngày 3), mực nước thấp nhất tháng : 3,01m (19h ngày 30), mực nước trung bình tháng : 3,48m, thấp hơn mức TBNN 0,30m.

- *Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại*, mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều; mực nước cao nhất tháng : 1,44m (12h ngày14), mực nước thấp nhất tháng : 0,52m (6h ngày 31).

2. Ở Trung Bộ

Các sông ở Bắc Trung Bộ ở xu thế xuống và bình thường. Các sông ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ vào những ngày thượng và trung tuần có lũ lớn.

Tại Quảng Ngãi trên sông Trà Khúc và sông Vệ có lũ trên mức báo động 3.

Tại Khánh Hòa trên sông Côn tại trạm Thạch Hòa, mực nước đỉnh lũ là 7,76m (23h ngày 20), cao hơn mức báo động 3 là 0,71m, sau đó ở xu thế xuống.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu ở xu thế xuống dần.

- *Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu* , mực nước ngày đầu tháng : 3,20m (3h ngày 1), ngày cuối tháng xuống mức 1,98m(ngày 31).

- *Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc*, mực nước ngày đầu tháng : 3,09m , ngày cuối tháng xuống mức 1,89m(1h ngày 31).

III- TÌNH HÌNH HẢI VĂN

1. Gió và sóng

- *Vùng biển phía bắc* : Hướng gió chủ yếu là đông bắc và bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3-cấp 4). Ngoài khơi gió mạnh nhất 19-21m/s (cấp 8-cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc . Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,25-0,50 m (cấp II). Ngoài khơi sóng cao nhất 4-5m (cấp VI).

-*Vùng biển phía nam* : Hướng gió chủ yếu là đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 3-cấp 4) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 18-20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc.Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 0,75m (cấp II-cấp III) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 3 -4m (cấp V - cấp VI).

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	17,3	0,0	23,1	29,7	5	14,6	11,7	23	87	58	28
2	Điện Biên	16,3	+0,5	22,0	28,0	4	13,4	9,7	24	83	50	20
3	Sơn La	14,7	-0,3	20,1	27,3	4	11,4	7,7	7	81	34	28
4	Sa Pa	9,0	-0,5	12,6	20,2	4	6,8	3,1	7	91	50	30
5	Lao Cai	17,1	-0,2	20,8	25,8	31	14,8	11,9	7	79	55	18
6	Yên Bái	16,7	-0,3	21,1	26,6	31	13,9	10,1	24	86	46	7
7	Hà Giang	16,6	-0,1	21,0	25,6	17	13,8	10,8	24	83	42	6
8	Tuyên Quang	16,9	-0,3	21,4	27,4	31	14,1	10,3	24	81	47	21
9	Lạng Sơn											
10	Cao Bằng	14,4	-0,6	20,1	27,1	31	11,3	8,4	24	80	42	28
11	Thái Nguyên	17,3	0,0	21,7	26,5	31	14,3	11,0	2	75	33	28
12	Bắc Giang	17,5	-0,2	21,8	26,3	31	14,6	11,5	21	76	41	27
13	Phú Thọ	17,1	-0,5	21,0	26,9	31	14,4	11,4	24	81	40	7
14	Hòa Bình	16,8	-0,7	21,5	27,3	31	14,9	11,7	24	82	46	11
15	Hà Nội (Láng)	18,0	-0,2	21,8	26,9	31	15,6	12,5	9	72	38	11
16	Tiên Yên											
17	Hồng Gai	17,6	+0,1	21,1	25,5	17	15,0	12,4	21	75	42	22
18	Phù Liễn	17,8	-0,3	21,7	25,7	17	15,1	11,5	7	78	41	27
19	Thái Bình	17,3	-0,4	21,7	25,7	31	14,3	10,0	24	82	38	25
20	Nam Định	17,7	-0,7	21,8	26,4	4	15,0	11,9	7	81	42	7
21	Thanh Hóa	18,2	-0,4	21,9	27,5	4	15,8	13,0	1	80	42	7
22	Vinh	18,0	-0,9	21,6	27,0	4	15,6	12,2	8	84	49	23
23	Đồng Hới	18,3	-1,6	22,0	26,4	5	16,9	13,3	7	84	50	28
24	Huế	19,7	-1,1	22,9	26,3	5	17,9	13,9	27	92	53	27
25	Đà Nẵng	21,8	-0,1	24,8	28,2	4	19,8	14,3	27	84	43	27
26	Quảng Ngãi	22,1	-0,3	25,1	27,7	4	21,3	15,7	27	89	46	27
27	Quy Nhơn	23,7	0,0	25,7	27,6	4	22,1	19,3	31	84	57	15
28	Plây-Cu	18,9	-0,4	24,7	27,0	16	15,8	11,0	31	81	40	31
29	Ban Mê Thuột	20,8	-0,4	25,3	27,7	31	19,0	12,3	28	85	42	27
30	Đà Lạt	15,9	-0,8	20,1	22,8	15	13,2	5,4	27	86	41	26
31	Nha Trang	24,2	+0,3	26,6	28,7	16	21,9	18,1	27	83	61	27
32	Phan Thiết	25,6	+0,3	29,6	32,2	11	23,0	18,4	28	77	45	18
33	Vũng Tàu	25,5	0,0	28,6	30,7	6	23,4	19,0	28	82	43	28
34	Tây Ninh	24,7	-0,5	30,3	32,5	10	20,8	14,0	28	77	36	28
35	T.P. Hồ Chí	25,9	+0,2	30,4	32,8	1	22,6	19,0	28	76	38	28
36	Tiền Giang	24,9	0,0	29,0	30,9	4	22,2	19,4	25	87	43	28
37	Cần Thơ	25,3	-0,3	28,8	31,5	3	23,3	19,7	30	88	49	28
38	Sóc Trăng	25,2	-0,4	28,8	30,7	12	22,4	18,9	29	85	43	28
39	Rạch Giá	25,9	0,0	28,5	30,8	1	23,8	20,6	28	78	53	29
40	Cà Mau	25,6	+0,6	29,3	31,6	10	23,5	20,3	29	82	41	28

Chú thích: *Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng*

CỦA CÁC TRẠM THÁNG XII NĂM 1996

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
				Số ngày liên tục		Số ngày có mưa						Gió tây khô nóng		Dông	Mưa phùn	
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất		Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Nhẹ	Mạnh			
29	-8	12	2	5	22	7	48	3	30	95	-34	0	0	0	0	1
13	-6	7	6	3	24	3	55	3	20	125	-30	0	0	0	0	2
22	+9	12	6	2	22	6	55	3	31	118	-46	0	0	0	1	3
46	-9	20	6	6	11	13	63	5	4	91	-35	0	0	0	8	4
15	-9	12	6	3	13	7	43	3	28	31	-80	0	0	0	0	5
7	-19	2	1	5	12	8	67	5	11	79	-17	0	0	0	5	6
4	-28	1	5	2	15	7	50	5	6	63	-26	0	0	0	0	7
7	-12	3	5	5	26	5	56	4	18	79	-25	0	0	0	6	8
																9
4	-15	1	2	2	22	5	58	4	6	86	-24	0	0	0	0	10
5	-19	2	5	2	24	4	85	5	6	95	-28	0	0	0	0	11
2	-16	0	-	1	21	4	94	6	6	106	-25	0	0	0	0	12
13	-12	5	1	5	12	8	52	3	7	90	-20	0	0	0	0	13
2	-10	2	1	1	22	3	65	4	9	120	-2	0	0	0	0	14
2	-21	1	5	1	12	4	71	5	6	98	-11	0	0	0	0	15
																16
10	-9	10	5	3	22	5	78	4	6	111	-28	0	0	0	2	17
7	-25	1	5	2	22	3	70	4	22	105	-24	0	0	0	0	18
16	-7	13	5	2	25	3	75	4	12	104	-23	0	0	0	0	19
4	-25	2	1	1	26	2	59	4	7	88	-41	0	0	0	0	20
5	-23	5	1	1	22	2	82	6	6	121	-8	0	0	0	0	21
38	-31	10	6	3	11	8	45	4	7	84	-4	0	0	0	0	22
60	-69	20	18	4	10	7	82	5	23	77	-2	0	0	0	0	23
363	+66	90	6	14	4	23	28	2	27	52	-23	0	0	0	0	24
149	-50	60	19	6	5	15	53	3	1	73	-39	0	0	0	0	25
245	-23	80	19	8	5	21	51	4	27	54	-47	0	0	0	0	26
380	+210	100	10	9	4	21	34	5	28	80	-50	0	0	0	0	27
39	+26	36	1	2	16	4	75	4	31	164	-69	0	0	0	0	28
9	-13	9	19	4	10	9	90	5	31	79	-125	0	0	0	0	29
56	+27	22	19	5	9	12	89	5	11	50	179	0	0	0	0	30
482	-315	95	20	11	4	21	116	8	14	89	-62	0	0	0	0	31
10	-11	4	7	2	9	6	109	6	7	143	-109	0	0	0	0	32
40	+17	20	19	4	9	10	63	4	31	123	-107	0	0	0	0	33
26	-13	20	1	3	10	6	90	4	24	158	-91	0	0	1	0	34
54	+6	40	4	3	10	7	86	4	24	108	-115	0	0	6	0	35
34	-6	7	6	5	9	14	55	2	7	133	-85	0	0	4	0	36
38	-3	15	7	4	9	12	71	4	23	115	-93	0	0	0	0	37
83	+41	40	20	4	8	10	50	3	28	142	-64	0	0	0	0	38
42	-3	20	6	3	10	10	100	5	24	159	-65	0	0	3	0	39
44	-38	10	20	5	8	16	77	4	10	139	-62	0	0	0	0	40

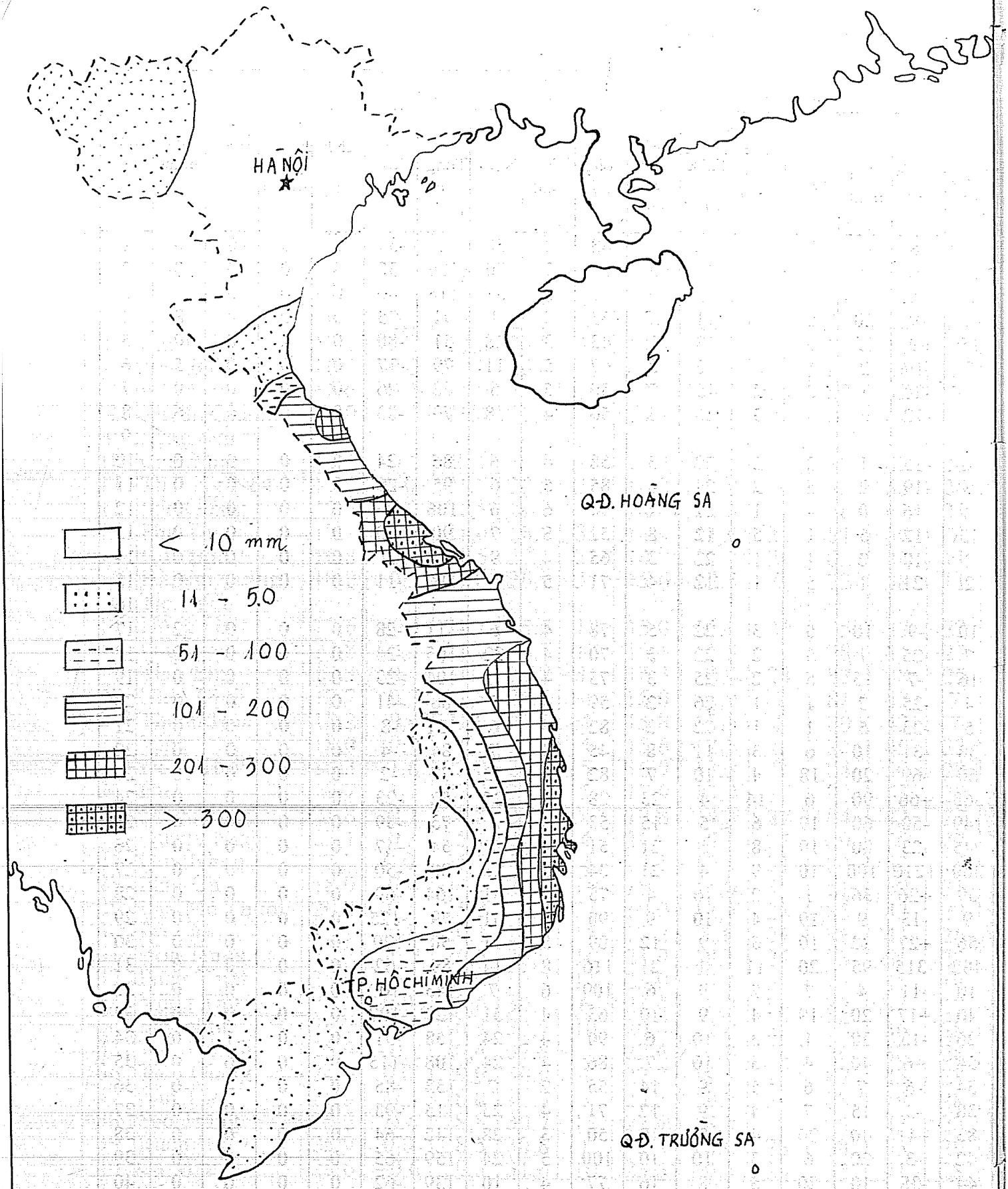

Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng XII năm 1996

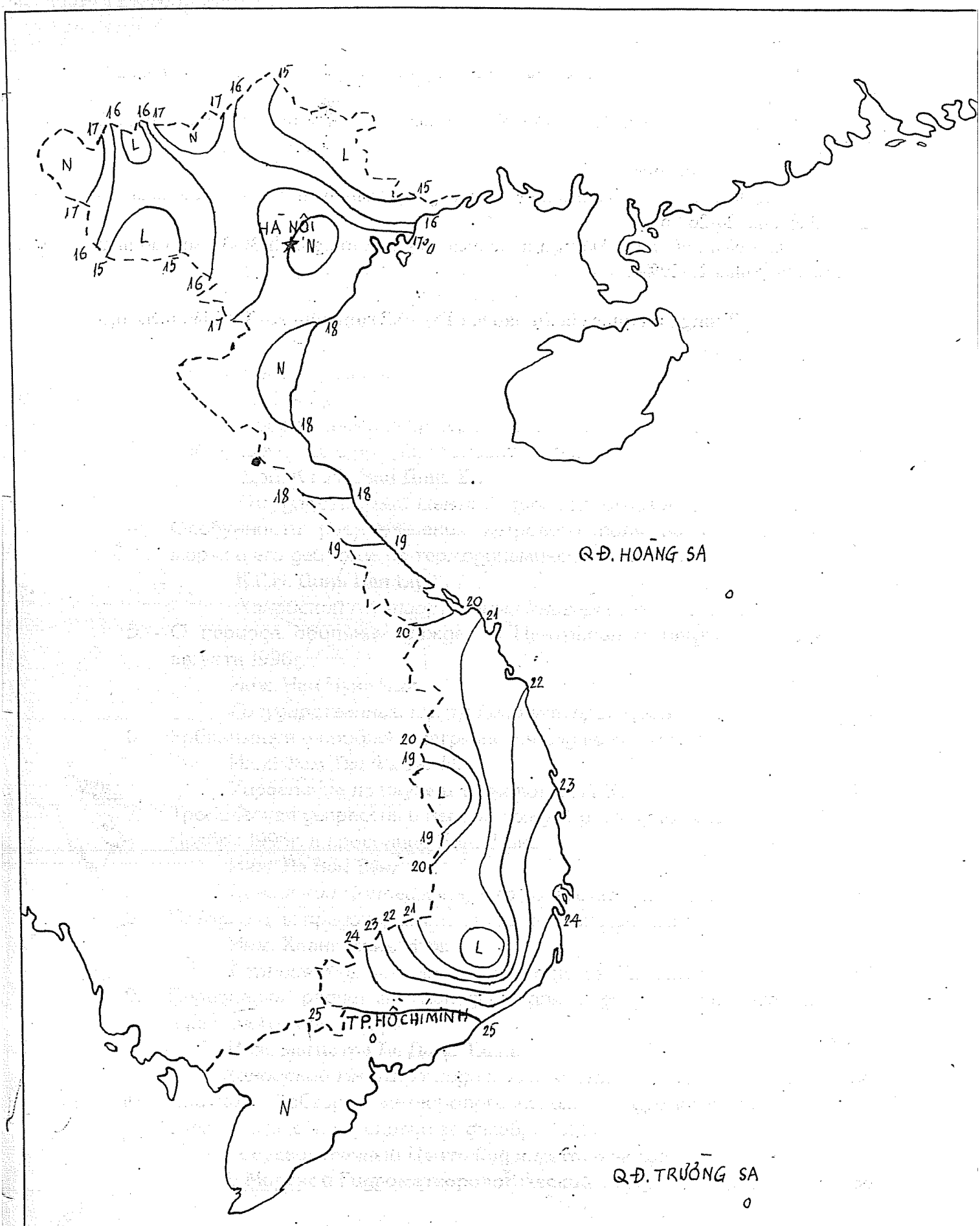

Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng XII năm 1996

2. Nhiệt độ nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 20-22°C, cao nhất 23-25°C, thấp nhất 17-19°C.

- *Vùng biển phía nam*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 27-28°C, cao nhất 31-32°C, thấp nhất 24-25°C.

3. Độ mặn nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 27-29‰, cao nhất 30-32‰, thấp nhất 24-26‰.

- *Vùng biển phía nam:* Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 30-31‰, cao nhất 32-33‰, thấp nhất 28-29‰.
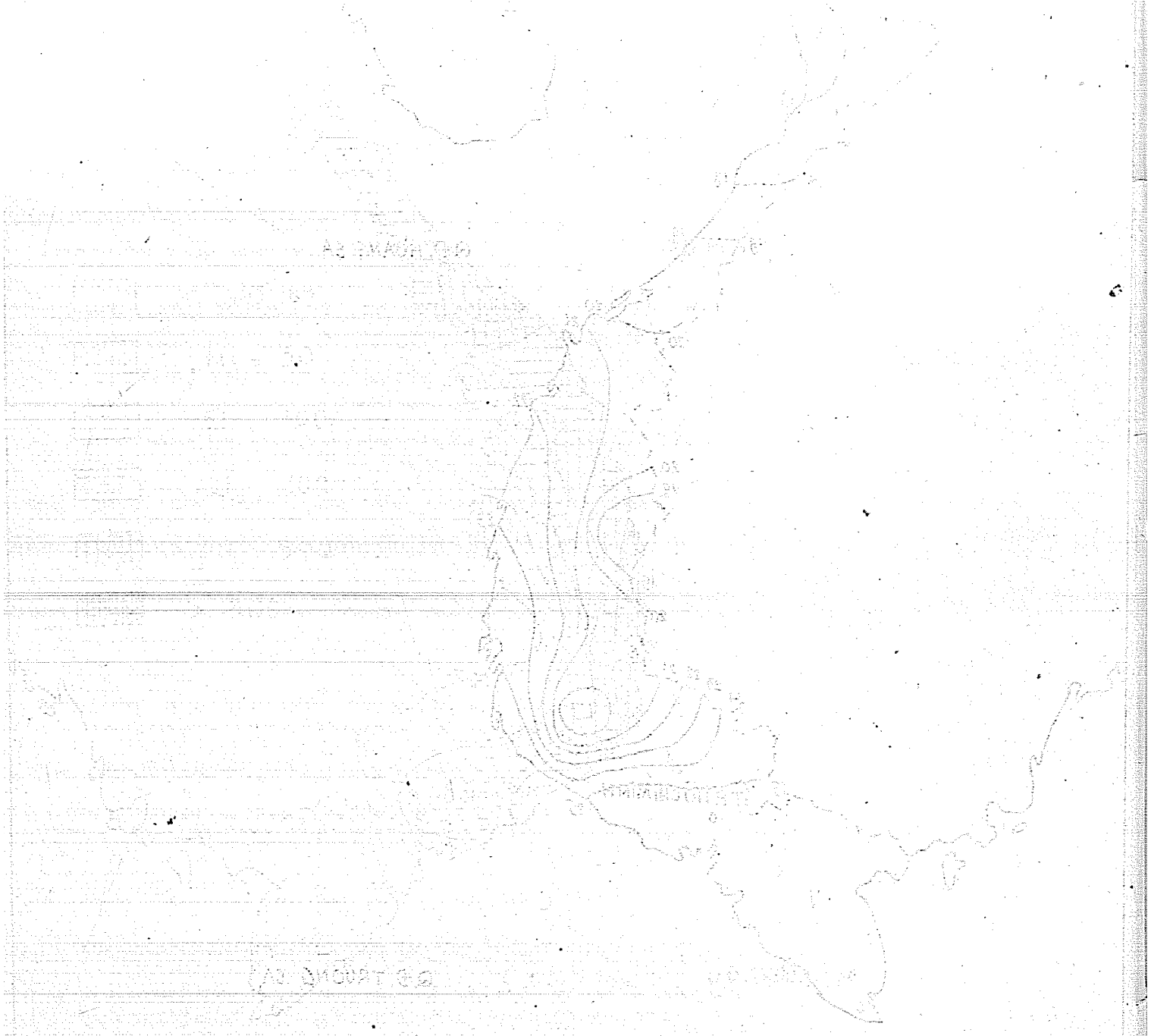
Trung tâm quốc gia dự báo KTTV và Trung tâm KTTV biển biên soạn